

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-3-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 559/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Dur Thị Thúy H**, sinh năm: 1993

Địa chỉ: đường X Khu dân cư P, ấp X, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Hoàng V**, sinh năm: 1993

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Dur Thị Thúy H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Trần Hoàng V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 4 năm 2021, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dur Thị Thúy H trình bày:

Bà và ông Trần Hoàng V bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2011, có tổ chức đám cưới do hai bên tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 28/5/2012. Thời

gian đầu, hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, không có mâu thuẫn xảy ra. Đến năm 2013, ông V bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tuyên phạt 13 năm tù giam. Hiện ông V đang chấp hành án tại trại giam Mỹ Phước, địa chỉ: xã Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Nhận thấy hiện nay vợ chồng không còn yêu thương lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nữa, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Hoàng V.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà và ông V có 01 con chung tên Trần Dư Thanh B, sinh ngày 25/4/2012. Khi ly hôn, bà yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ B; bà không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra bà H không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 07 tháng 01 năm 2022, bị đơn ông Trần Hoàng V trình bày:

Ông và bà Dư Thị Thúy H bắt đầu chung sống vào năm 2011, có tổ chức đám cưới do hai bên tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 28/5/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, không xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn do hiện tại bản thân ông đang chấp hành án tại Trại giam Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Trần Dư Thanh B, sinh ngày 25/4/2012. Hiện con đang sống cùng bà H do bà H chăm sóc và nuôi dưỡng. Hiện tại ông đang chấp hành án tại Trại giam Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang nên ông không trực tiếp nuôi con được. Sau khi chấp hành án phạt tù xong, ông muốn là người trực tiếp nuôi con và không yêu cầu gì khác.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Dư Thị Thúy H, về con chung: giao trẻ Trần Dư Thanh B cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Trần Hoàng V; bà H chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Dư Thị Thúy H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Hoàng V, đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Trần Hoàng V có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Dư Thị Thúy H và bị đơn ông Trần Hoàng V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông V theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dư Thị Thúy H và Trần Hoàng V có đăng ký kết hôn vào ngày 28/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72/2012, quyển số 01/2012. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông V là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà Dư Thị Thúy H: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H xác nhận vợ tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nữa, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Hoàng V. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 07/01/2022, ông Trần Hoàng V cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn do hiện tại bản thân ông đang chấp hành án tại Trại giam Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà H.

[5] Tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

[6] Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*.

[7] Mặc dù tại địa phương không nắm rõ tình trạng hôn nhân của bà H và ông V nhưng căn cứ vào lời trình bày của bà H và ông V thì bà H và ông V đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đồng thời ông V đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H. Căn cứ vào nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà H và ông V không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn thì việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không còn ý nghĩa gì nữa. Vì vậy, bà H cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông V là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về con chung: Bà H và ông V xác nhận có 01 con chung là trẻ Trần Dư Thanh B, sinh ngày 25/4/2012. Hiện trẻ B do bà H chăm sóc và nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ B, bà không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con; ông V hiện đang chấp hành án phạt tù nên không thể trực tiếp nuôi con.

[9] Tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

[10] Tại biên bản ghi nhận ý kiến trẻ ngày 14/12/2021, trẻ Trần Dư Thanh B có ý kiến nếu ba mẹ ly hôn thì con muốn sống với mẹ. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện tại ông V đang chấp hành án phạt tù nên không thể chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Bên cạnh đó, trẻ B đang sống cùng bà H, do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, bà H yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ B sau khi ly hôn là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[11] Tại bản tự khai, ông Trần Hoàng V trình bày sau khi ông chấp hành án phạt tù xong thì ông muốn trực tiếp nuôi con và không yêu cầu gì khác. Căn cứ Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Do đó, trong trường hợp sau này các đương sự có tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì hai bên có quyền thỏa thuận hoặc khởi kiện bằng một vụ án khác.

[12] Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc bà không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con; nếu sau này các đương sự có sự tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[13] Về tài sản chung: Bà Dư Thị Thúy H và ông Trần Hoàng V đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[14] Về nợ chung: Bà Dư Thị Thúy H và ông Trần Hoàng V đều xác nhận không có do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[15] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dư Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 19, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dư Thị Thúy H về việc yêu cầu ly hôn với ông Trần Hoàng V.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dư Thị Thúy H và ông Trần Hoàng V được ly hôn với ông Trần Hoàng V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 72/2012, quyển số 01/2012 đăng ký ngày 28/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Bà Dư Thị Thúy H và ông Trần Hoàng V có 01 (một) con chung là trẻ Trần Dư Thanh B, sinh ngày 25/4/2012.

Giao trẻ Trần Dư Thanh B cho bà Dư Thị Thúy H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Trần Hoàng V cho đến khi bà Dư Thị Thúy H có yêu cầu.

Ông Trần Hoàng V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích con chung, sau này các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Dư Thị Thúy H và ông Trần Hoàng V đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Dư Thị Thúy H và ông Trần Hoàng V đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dư Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0040112 ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Dư Thị Thúy H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Dư Thị Thúy H và ông Trần Hoàng V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Bình Chánh;
- Chi cục THADS H.Bình Chánh;
- Ủy ban nhân dân xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Tuyền

